

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 12 năm 2015

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN THEO NGHỊ ĐỊNH THƯ
(Thực hiện theo Quyết định số 3648/QĐ-BKHHCN ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về việc thực hiện và áp dụng cơ chế tài chính của Chương trình nghiên cứu song phương và đa phương đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư được phê duyệt trong năm 2015)

Số: .02./2015/HĐ-NĐT

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 14/6/2005;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27/01/2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 05/2014/TT-BKHHCN ngày 10/4/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BKHHCN ngày 30/5/2014 của Bộ trưởng Bộ KH&CN về quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 93/TTLT-BTC-BKHHCN ngày 04/10/2006 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án KH&CN sử dụng ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 16/2015/TTLT-BKHHCN-BTC ngày 01/9/2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn việc quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2738/QĐ-BKHHCN ngày 08/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và thời gian thực hiện nhiệm vụ Nghị định thư từ năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 3648/QĐ-BKHHCN ngày 15/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thực hiện và áp dụng cơ chế tài chính của Chương trình nghiên cứu song phương và đa phương đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư được phê duyệt trong năm 2015.

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A):

a) Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia

- Do Ông : Hà Minh Hiệp
 - Chức vụ : Giám đốc Văn phòng làm đại diện.
 - Địa chỉ : 39 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
 - Điện thoại : 04.39440460 Email: hmhiiep@most.gov.vn
 - Số tài khoản: 9527.1.1115577 Mã QHNS: 1115577
- Tại Kho bạc Nhà nước TP Hà Nội

b) Vụ Hợp tác quốc tế

- Do Ông : Phùng Bảo Thạch
- Chức vụ : Vụ trưởng làm đại diện.
- Địa chỉ : 113 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại : 043.8228874 Email: thachpb@most.gov.vn

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B):

a) Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ:

Trường Đại học Mỏ - Địa chất

- Do Ông : PGS. TS Lê Hải An
 - Chức vụ : Hiệu trưởng làm đại diện
 - Địa chỉ : Phường Đức Thắng – Quận Bắc Từ Liêm – Thành phố Hà Nội
 - Điện thoại : 04.38389633 Fax: 04.38389633
 - Số tài khoản: 3713.0.1055493.00000; Mã QHNS: 1055 493
- Tại Kho bạc Nhà nước Nam Từ Liêm.

b) Chủ nhiệm nhiệm vụ:

- Ông : Phan Quang Văn
- Chức vụ : Trưởng Bộ môn
- Địa chỉ : Trường Đại học Mỏ-Địa chất, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 04 37525197
- E-mail : phanquangvan@humg.edu.vn
- Số CMT : 034066001373

Cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Đặt hàng và nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ.

Bên A đặt hàng và Bên B nhận đặt hàng thực hiện Nhiệm vụ "*Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam*", mã số: NĐT.02.GER/15

Thuyết minh chi tiết nhiệm vụ (sau đây gọi tắt là Thuyết minh) là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 36 tháng, từ tháng 12 năm 2015 đến tháng 12 năm 2018.

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ

1. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ là: 4.400.000.000 đồng (bằng chữ: Bốn tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn), trong đó:

+ Kinh phí từ ngân sách nhà nước: 4.400.000.000 đồng (bằng chữ: bốn tỷ bốn trăm triệu đồng chẵn), trong đó kinh phí được khoán chi là: 3.420.109.000 đồng (bằng chữ: Ba tỷ, bốn trăm hai mươi triệu, một trăm linh chín ngàn đồng).

+ Kinh phí từ nguồn khác: không có.

2. Tiến độ cấp kinh phí theo phụ lục III của Hợp đồng này.

3. Bên B nhận đặt hàng thực hiện nhiệm vụ với kinh phí quy định tại Khoản 1 Điều này theo đúng nội dung, yêu cầu được quy định tại Hợp đồng này.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Tổng hợp, xử lý kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Nhiệm vụ của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp nhà nước kết quả thực hiện Nhiệm vụ của Bên B theo Thuyết minh đã được phê duyệt;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Tiếp nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ bàn giao kết quả thực hiện Nhiệm vụ cho tổ chức đề xuất đặt hàng hoặc tổ chức triển khai ứng dụng sau khi được nghiệm thu;

l) Có trách nhiệm hướng dẫn việc trả thù lao cho tác giả nếu có lợi nhuận thu được từ việc ứng dụng kết quả của Nhiệm vụ và thông báo cho tác giả việc bàn giao kết quả thực hiện Nhiệm vụ (nếu có);

m) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Nhiệm vụ (nếu có) theo quy định hiện hành;

n) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của Nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu theo Thuyết minh đã được phê duyệt;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ theo quy định hiện hành;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Đề nghị Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ theo quy định của pháp luật;

i) Thực hiện việc tự đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc Nhiệm vụ. Sau khi đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở hoàn chỉnh lại hồ sơ theo kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ sử dụng ngân sách nhà

QH. vgh

nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo uỷ quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu (nếu có);

n) Thực hiện đăng ký, giao nộp kết quả thực hiện Nhiệm vụ tại cơ quan thông tin khoa học và công nghệ quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định pháp luật;

o) Công bố kết quả thực hiện Nhiệm vụ sau khi được Bên A cho phép;

p) Chủ nhiệm Nhiệm vụ cùng với các cá nhân trực tiếp sáng tạo ra kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được đứng tên tác giả trong Nhiệm vụ, nhiệm vụ và hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Nhiệm vụ theo quy định pháp luật và các thỏa thuận khác (nếu có);

q) Có trách nhiệm trực tiếp hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ theo yêu cầu của Bên A hoặc tổ chức, cá nhân được Bên A giao quyền sở hữu, sử dụng kết quả thực hiện Nhiệm vụ;

r) Thực hiện bảo mật các kết quả thực hiện Nhiệm vụ theo quy định về bảo vệ bí mật của nhà nước;

s) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Nhiệm vụ không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất chính đáng của Bên B làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ thực hiện nội dung nhiệm vụ.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Nhiệm vụ đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức “Đạt” trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

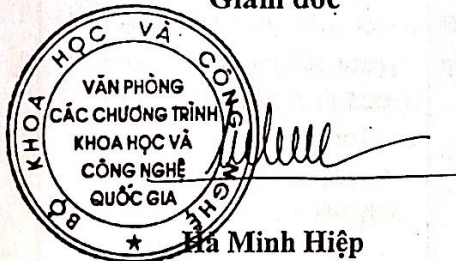
3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng gồm 11 trang, bao gồm cả phụ lục, được lập thành 10 bản bằng tiếng Việt, có giá trị như nhau, Bên A giữ 08 bản, Bên B giữ 02 bản./.

BÊN A (BÊN ĐẶT HÀNG)
VĂN PHÒNG CÁC CHƯƠNG TRÌNH
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA
Giám đốc



BÊN B (BÊN NHẬN ĐẶT HÀNG)
ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
Hiệu trưởng



VỤ HỢP TÁC QUỐC TẾ
Vụ trưởng

CHỦ NHIỆM
NHIỆM VỤ

SAO Y BẢN CHÍNH

Số: 01 /MDC ngày 07 tháng 01 năm 2019

TL: HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐH MỎ - ĐỊA CHẤT

Phùng Bảo Thạch



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG HCTH

Ths. Dương Chi Tuyết Nhung

DANH SÁCH CÁN BỘ THAM GIA ĐỀ TÀI

Mã số: NĐT-02.GER/15

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Phan Quang Văn	Bộ môn Kỹ thuật môi trường, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Chủ nhiệm nhiệm vụ
2	Nguyễn Phương	Bộ môn Môi trường cơ sở, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Thành viên TH chính
3	Đỗ Văn Nhuận	Bộ môn Môi trường cơ sở, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Thành viên
4	Đặng Thị Ngọc Thủy	Bộ môn Kỹ thuật môi trường, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Thành viên
5	Đào Trung Thành	Bộ môn Kỹ thuật môi trường, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Thư ký khoa học
6	Nguyễn Thị Hòa	Bộ môn Kỹ thuật môi trường, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Thành viên
7	Nguyễn Trường Giang	Liên đoàn Địa chất Xạ - Hiếm	Thành viên TH chính
8	Trịnh Đình Huấn	Trung tâm Thông tin lưu trữ và Tạp chí Địa chất	Thành viên
9	Lê Nguyên Hiệu	Tập đoàn Hưng Hải	Thành viên
10	Trần Thế Định	Viện Công nghệ xạ hiếm	Thành viên
11	Nguyễn Thúy Lan	Viện Khoa học và Công nghệ mỏ - luyện kim	Thành viên TH chính
12	Nhữ Thị Kim Dung	Bộ môn Tuyển khoáng, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Thành viên
13	Thân Văn Liên	Viện Công nghệ xạ hiếm	Thành viên TH chính
14	Trần Thị Ngọc	Bộ môn Kỹ thuật môi trường, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Kỹ thuật viên
15	Nguyễn Thị Thu Huyền	Bộ môn Kỹ thuật môi trường, trường ĐH Mỏ - Địa chất	Kỹ thuật viên

Hà Nội, Ngày 30 tháng 12 năm 2018

Chủ nhiệm đề tài
(ký, họ và tên)

PGS. TS. Phan Quang Văn

Số: *3701* /QĐ-BKHHCN

Hà Nội, ngày *04* tháng *12* năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư “Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam”, mã số NĐT.02.GER/15

BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 12/2014/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHHCN ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 02/2015/HĐ-NĐT ngày 16 tháng 12 năm 2015;

Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế và Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư “Hợp tác nghiên cứu thành phần vật chất, đề xuất quy trình công nghệ chế biến, định hướng phương pháp khai thác và bảo vệ môi trường mỏ đất hiếm Nậm Xe, tỉnh Lai Châu, Việt Nam”, mã số NĐT.02.GER/15 do Trường Đại học Mỏ - Địa chất là tổ chức chủ trì nhiệm vụ đến ngày 15/10/2019.

Điều 2. Nội dung điều chỉnh ở Điều 1 không làm thay đổi mục tiêu, số lượng, chất lượng các sản phẩm và kinh phí của nhiệm vụ KH&CN theo Nghị định thư nêu trong Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số 02/2015/HĐ-NĐT và Thuyết minh nhiệm vụ đã ký.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và bổ sung vào hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Nghị định thư mã số NĐT.02.GER/15.



Điều 4. Các ông/bà Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Vụ trưởng Vụ Khoa học Xã hội, Nhân văn và Tự nhiên, Thủ trưởng tổ chức chủ trì, Chủ nhiệm nhiệm vụ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, VPCTQG.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Văn Tùng

